

Số: 106/NQ-HĐKĐCL

Hà Nội, ngày 30 tháng 8 năm 2024

NGHỊ QUYẾT
Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng
Chương trình đào tạo kỹ sư chính quy trình độ đại học
ngành Kỹ thuật cơ khí động lực
của Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp - Đại học Thái Nguyên

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 1257/QĐ-KĐCL ngày 05/12/2023 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành Quy định về hoạt động của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 647/QĐ-KĐCL ngày 06/8/2024 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc tổ chức Phiên họp XXIX của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 648/QĐ-KĐCL ngày 06/8/2024 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc thành lập các Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục Phiên XXIX;

Căn cứ kết quả nghiên cứu Hồ sơ tự đánh giá Chương trình đào tạo kỹ sư chính quy trình độ đại học ngành Kỹ thuật cơ khí động lực của Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp - Đại học Thái Nguyên, Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài, Báo cáo thẩm định của Tiểu ban chuyên môn và các tài liệu liên quan;

Căn cứ kết quả trao đổi, thảo luận và bỏ phiếu kín thông qua Nghị quyết tại Phiên họp XXIX ngày 29/8/2024 của Hội đồng.

QUYẾT NGHỊ:

1. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo kỹ sư chính quy trình độ đại học ngành Kỹ thuật cơ khí động lực (sau đây gọi là Chương trình đào tạo) của Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp - Đại học Thái Nguyên của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài. Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đã thực hiện đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo theo đúng quy định hiện hành. Kết quả đánh giá phản ánh đúng hiện trạng của Chương trình đào tạo và đã được Nhà trường đồng thuận.

Thẩm định kết quả đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo cho thấy số tiêu chí được đánh giá “đạt yêu cầu” là 43 tiêu chí (trong tổng số 50 tiêu chí), chiếm 86%, trong đó mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí được đánh giá “đạt yêu cầu” (chi tiết trong *Phụ lục I*).

2. Kiến nghị Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp - Đại học Thái Nguyên và đơn vị có chương trình đào tạo được đánh giá cần thực hiện 11 nhóm giải pháp để cải tiến chất lượng Chương trình đào tạo (chi tiết trong *Phụ lục II*).

3. Căn cứ Điều 23, Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp giấy chứng nhận kiểm định chất lượng cho Chương trình đào tạo kỹ sư chính quy trình độ đại học ngành Kỹ thuật cơ khí động lực của Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp - Đại học Thái Nguyên. *vu*

TM. HỘI ĐỒNG

CHỦ TỊCH



Đình Văn Toàn

11/4/14/0/2/1

Phụ lục I
KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO KỸ SƯ CHÍNH QUY TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH KỸ THUẬT CƠ KHÍ ĐỘNG LỰC
CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP - ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
(Kèm theo Nghị quyết số: 106/NQ-HĐKĐCL ngày 30 tháng 8 năm 2024
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN)

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn			Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt			Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt
Tiêu chuẩn 1					Tiêu chuẩn 7				
Tiêu chí 1.1	4	4.00	3	100%	Tiêu chí 7.1	4	3.80	4	80%
Tiêu chí 1.2	4				Tiêu chí 7.2	4			
Tiêu chí 1.3	4				Tiêu chí 7.3	4			
Tiêu chuẩn 2					Tiêu chí 7.4	4			
Tiêu chí 2.1	4	4.00	3	100%	Tiêu chí 7.5	3			
Tiêu chí 2.2	4				Tiêu chuẩn 8				
Tiêu chí 2.3	4				Tiêu chí 8.1	4	4.00	5	100%
Tiêu chuẩn 3					Tiêu chí 8.2	4			
Tiêu chí 3.1	4	3.67	2	66.67%	Tiêu chí 8.3	4			
Tiêu chí 3.2	3				Tiêu chí 8.4	4			
Tiêu chí 3.3	4				Tiêu chí 8.5	4			
Tiêu chuẩn 4					Tiêu chuẩn 9				
Tiêu chí 4.1	4	4.00	3	100%	Tiêu chí 9.1	4	3.80	3	60%
Tiêu chí 4.2	4				Tiêu chí 9.2	3			
Tiêu chí 4.3	4				Tiêu chí 9.3	5			
Tiêu chuẩn 5					Tiêu chí 9.4	4			
Tiêu chí 5.1	4	3.80	4	80%	Tiêu chí 9.5	3			
Tiêu chí 5.2	4				Tiêu chuẩn 10				
Tiêu chí 5.3	3				Tiêu chí 10.1	4	3.83	5	83.33%
Tiêu chí 5.4	4				Tiêu chí 10.2	4			
Tiêu chí 5.5	4	Tiêu chí 10.3	4						
Tiêu chuẩn 6					Tiêu chí 10.4	4			
Tiêu chí 6.1	4	4.14	7	100%	Tiêu chí 10.5	3			
Tiêu chí 6.2	4				Tiêu chí 10.6	4			
Tiêu chí 6.3	4				Tiêu chuẩn 11				
Tiêu chí 6.4	4				Tiêu chí 11.1	5	4.00	4	80%
Tiêu chí 6.5	4				Tiêu chí 11.2	4			
Tiêu chí 6.6	4				Tiêu chí 11.3	4			
Tiêu chí 6.7	5				Tiêu chí 11.4	4			
		Tiêu chí 11.5	3						
Đánh giá chung CTĐT		Số tiêu chí đạt			Tỉ lệ số tiêu chí đạt				
		43			86%				

Phụ lục II
CÁC KIẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG ĐỐI VỚI
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO KỸ SƯ CHÍNH QUY TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH KỸ THUẬT CƠ KHÍ ĐỘNG LỰC
CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP - ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
(Kèm theo Nghị quyết số: 106/NQ-HĐKĐCL ngày 30 tháng 8 năm 2024
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN)

Chương trình đào tạo kỹ sư chính quy trình độ đại học ngành Kỹ thuật cơ khí động lực (CTĐT) của Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp - Đại học Thái Nguyên đã được Nhà trường tự đánh giá và được Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đánh giá chất lượng. Kết quả đánh giá chất lượng đối với CTĐT giai đoạn 2019-2023 cho thấy có những điểm mạnh sau đây:

Mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT được định kỳ rà soát phù hợp với mục tiêu giáo dục đại học và tầm nhìn, sứ mạng của Nhà trường. Chuẩn đầu ra của CTĐT được thiết kế tiếp cận theo CDIO cơ bản thể hiện được các kiến thức, kỹ năng của người học tốt nghiệp. Bản mô tả CTĐT và đề cương học phần có đủ các thông tin, cập nhật và được công khai. Đề cương học phần được điều chỉnh tiếp cận theo CDIO; các thành phần trong đề cương học phần thể hiện logic với chuẩn đầu ra, thể hiện cụ thể các thông tin hướng dẫn tổ chức dạy-học và kiểm tra đánh giá. Chương trình dạy học được cập nhật tiếp cận theo chuẩn đầu ra; cấu trúc và nội dung của chương trình dạy học thể hiện tính logic và tính hợp lý. Triết lý giáo dục được ban hành và phổ biến đến các bên liên quan. Phương pháp giảng dạy đa dạng, phù hợp với chuẩn đầu ra, chú trọng rèn luyện các kỹ năng thực hành và kỹ năng mềm cho người học, tạo điều kiện rèn luyện cho người học khả năng tự học suốt đời. Quy định về kiểm tra đánh giá được xác định rõ ràng, công khai và phổ biến đến người học. Kết quả quy hoạch, phát triển đội ngũ giảng viên, nhân viên đáp ứng yêu cầu đào tạo và nghiên cứu; năng lực giảng dạy và nghiên cứu khoa học đáp ứng tốt yêu cầu chương trình đào tạo; giảng viên có kết quả nghiên cứu khoa học tốt; quản trị, đánh giá kết quả thực hiện công việc được quan tâm. Chính sách, quy định về tuyển sinh rõ ràng, cập nhật, phù hợp; hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ người học được quan tâm. Cơ sở vật chất và thiết bị thực hành chuyên môn được đầu tư đáp ứng yêu cầu học tập. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan được thiết lập, thông tin phản hồi được sử dụng để cải tiến CTĐT và chất lượng dịch vụ. Tỷ lệ người học tốt nghiệp đúng hạn và tỷ lệ có việc làm cao; nhà sử dụng lao động đánh giá cao năng lực của người tốt nghiệp.

Tuy nhiên, CTĐT còn những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng (cụ thể chi tiết như đã nêu trong Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài). Trên cơ sở Hồ sơ thẩm định và kết quả thảo luận tại Phiên họp, Hội đồng kiến nghị Nhà trường và đơn vị có chương trình đào tạo được đánh giá cần xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng theo 11 nhóm giải pháp dưới đây:

1. Rà soát mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT thể hiện cụ thể hơn yêu cầu đặc thù của CTĐT theo tiếp cận CDIO, đảm bảo nguyên tắc SMART. Đánh giá toàn diện nhu cầu nhân lực trong nước và khu vực làm cơ sở điều chỉnh mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra đảm bảo đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động và Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

2. Rà soát, điều chỉnh Bản mô tả CTĐT và đề cương học phần đảm bảo: có đầy đủ các thông tin theo quy định; đảm bảo tính logic và gắn kết của các thành phần trong đề cương học phần và gắn kết với chuẩn đầu ra của CTĐT. Đa dạng hóa phương thức truyền thông về CTĐT và đề cương học phần đến các bên liên quan.

3. Rà soát chương trình dạy học đảm bảo chuyển tải được chuẩn đầu ra của CTĐT; xem xét tích hợp các học phần lý thuyết và thực hành; tổ chức các học phần theo nhóm module kiến thức bắt buộc hoặc tự chọn để đảm bảo các học phần đều có đóng góp rõ ràng và hiệu quả vào đạt chuẩn đầu ra của CTĐT. Lượng hóa cấp độ đóng góp vào chuẩn đầu ra của từng học phần thông qua các chỉ số đánh giá làm căn cứ để đo lường mức độ đạt được của người học.

4. Có hướng dẫn cụ thể việc chuyển tải triết lý giáo dục vào CTĐT; có cơ chế để doanh nghiệp, nhà sử dụng lao động tham gia vào quá trình tổ chức đào tạo. Đổi mới phương pháp dạy học, chú trọng áp dụng phương pháp dạy học tích cực, phù hợp với định hướng đào tạo kỹ sư. Quản lý hiệu quả thời gian tự học của người học thông qua các nền tảng học tập trực tuyến LMS. Tổ chức bồi dưỡng đổi mới phương pháp dạy-học hiện đại cho giảng viên.

5. Cải tiến phương thức xây dựng và cập nhật ngân hàng câu hỏi thi/đề thi: phù hợp với phương pháp giảng dạy và phương pháp kiểm tra đánh giá; bảo đảm đo lường được mức độ đạt được chuẩn đầu ra. Xây dựng ma trận câu hỏi thi, đề thi làm căn cứ để xây dựng ngân hàng câu hỏi thi; tăng cường công tác giám sát trong việc đánh giá kết quả học tập để hạn chế các sai sót. Nghiên cứu điều chỉnh cách giao đề tài và hướng dẫn thực hiện, đánh giá đồ án tốt nghiệp, đồng thời điều chỉnh phương thức quản lý, công bố kết quả kiểm tra đánh giá để đảm bảo thông tin đầy đủ, kịp thời đến người học.

6. Ban hành chính sách, cơ chế đặc thù để giữ chân và phát triển giảng viên đầu ngành kế cận cho CTĐT; đổi mới quản trị đội ngũ giảng viên theo tiếp cận năng lực; có quy định cụ thể về hoạt động kết nối, phục vụ cộng đồng; hoàn thiện công cụ, phương thức, bộ chỉ số KPIs để đánh giá và ghi nhận hiệu quả đóng góp gắn với đãi ngộ để thúc đẩy đổi mới sáng tạo. Hoàn thiện đồng bộ chính sách, cơ chế đột phá để xây dựng các nhóm nghiên cứu mạnh; khuyến khích thúc đẩy hợp tác nghiên cứu liên ngành và ứng dụng để chuyển giao phát huy được tiềm năng nghiên cứu khoa học của giảng viên.

7. Quy hoạch đội ngũ nhân viên, rà soát, đánh giá năng lực và luân chuyển theo vị trí việc làm. Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá nhân viên làm cơ sở cho khen thưởng và ghi nhận, đãi ngộ theo cống hiến, hiệu quả thực hiện để đảm bảo công bằng và tạo động lực trong thực hiện công việc; đào tạo, bồi dưỡng để cải thiện tính chuyên nghiệp theo vị trí việc làm; lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan để giám sát, đánh giá hiệu quả thực hiện công việc.

8. Khảo sát, phân tích nhu cầu nhân lực để dự báo, xác định chỉ tiêu và có phương thức tuyển sinh phù hợp; quan tâm phân tích, đối sánh kết quả học tập của người học tuyển bằng các phương thức/tổ hợp môn học khác nhau để đánh giá mức độ phù hợp, tin cậy của các phương thức tuyển sinh. Đa dạng các phương thức truyền thông và tư vấn tuyển sinh để thu hút người học và tăng chất lượng đầu vào. Tăng cường giám sát và phân tích dữ liệu về sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện của người học để có giải pháp nâng cao hiệu quả tư vấn, hỗ trợ, giảm tỷ lệ thôi học. Nâng cấp phần mềm hỗ trợ trong công tác quản lý, giám sát quá trình học tập và quá trình rèn luyện của người học; thành lập bộ phận chuyên trách hỗ trợ, tư vấn tâm lý học đường; đầu tư cho các hoạt động nghiên cứu khoa học và hỗ trợ khởi nghiệp.

H
C
O
L
E
G
E

9. Đầu tư nâng cấp khu nhà làm việc, ký túc xá, xưởng thực hành, phòng học; rà soát, bổ sung kịp thời tài liệu phục vụ dạy học và nghiên cứu; có biện pháp thúc đẩy giảng viên viết giáo trình, tăng tài liệu nội sinh, bài giảng e-learning, học liệu điện tử và mô phỏng hỗ trợ học tập, giảng dạy, nghiên cứu; nâng cấp phần mềm và ứng dụng đồng bộ các giải pháp công nghệ trong quản lý khai thác thư viện; đầu tư trang thiết bị, vật tư đáp ứng nhu cầu thực hành, thí nghiệm; nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin và các phần mềm quản lý dạy học trực tuyến, phần mềm hỗ trợ quản trị các lĩnh vực hoạt động; tăng cường triển khai mô hình 5S để cải thiện môi trường làm việc và học tập; chú trọng đảm bảo an toàn, an ninh trật tự trường học và có biện pháp quản lý rủi ro.

10. Rà soát cách thức, nội dung khảo sát các bên liên quan để đảm bảo tính hiệu quả phù hợp với đối tượng khảo sát. Hướng dẫn, giám sát quá trình cập nhật CTĐT để thể hiện rõ hơn triết lý phát triển theo CDIO; đảm bảo tính tương thích và đồng bộ trong thiết kế và thực hiện CTĐT theo chuẩn đầu ra của CTĐT. Khảo sát, đánh giá mức độ đáp ứng của người học tốt nghiệp đối với thị trường lao động để cải tiến CTĐT. Sử dụng hiệu quả kênh đối thoại với người học và kết quả phản hồi để nắm bắt nhu cầu, kịp thời cải tiến chất lượng dịch vụ hỗ trợ người học; hướng dẫn triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học vào CTĐT và hoạt động đào tạo nhằm nâng cao chất lượng dạy-học.

11. Quan tâm xác lập và giám sát tỷ lệ thôi học; có giải pháp tổng thể hỗ trợ người học để tạo động lực học tập; định hướng nghề nghiệp và tiếp cận doanh nghiệp sớm để xác định mục tiêu học tập; đổi mới phương pháp giảng dạy phù hợp với chất lượng đầu vào, đồng thời đẩy mạnh việc chuẩn bị các bài giảng, giáo trình điện tử từng bước chuyển đổi mô hình và lộ trình đào tạo một cách toàn diện phù hợp với nhu cầu đào tạo trong kỷ nguyên mới. Xem xét đưa môn học khởi nghiệp vào giảng dạy gắn kết với tiếp cận CDIO.

Trên đây là 11 nhóm giải pháp tổng hợp. Nhà trường, đơn vị có CTĐT được đánh giá cần nghiên cứu kỹ Báo cáo đánh giá ngoài CTĐT của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài để có thêm những giải pháp chi tiết trong quá trình triển khai thực hiện. Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục (2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng), Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng CTĐT kỹ sư chính quy trình độ đại học ngành Kỹ thuật cơ khí động lực gửi cơ quan quản lý trực tiếp, Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội. 
